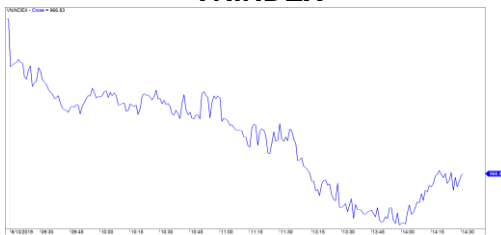


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	966.83	102.29	57.15
% ngày	-0.87%	-0.52%	-1.35%
% tuần	0.23%	0.39%	-1.99%
% tháng	-0.88%	-3.37%	0.95%
% năm	-1.15%	-7.40%	10.71%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,274	339	399
TB 1 tuần	4,708	361	475
TB 1 tháng	4,312	420	434
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	449.62	7.43	27.23
Bán	750.96	10.48	39.84
Giá trị ròng	-301.34	-3.05	-12.61
Độ rộng TT			
Mã Tăng	96	53	175
Mã Giảm	205	97	145
Không Đổi	87	217	577
Chỉ số chính			
P/E	16.40	9.25	19.56
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,298	189	1,044
LS Cổ tức	1.72%	2.84%	6.12%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Ảnh hưởng từ thị trường toàn cầu, các chỉ số chứng khoán Việt Nam cũng cùng chung diễn biến khi sụt giảm mạnh trong phiên. VN-Index đóng cửa thu hẹp đà giảm còn 0.87% dừng tại 966.83 điểm trong khi chỉ số HNX-Index cũng đồng thuận giảm 0.51% dừng tại 102.29 điểm, chỉ số Upcom-Index giảm 1.35% neo tại 57.15 điểm. Giá trị giao dịch toàn thị trường tăng mạnh lên mức 3,918 tỷ đồng khớp lệnh trên cả ba sàn.

Lực bán trên diện rộng khiến VN-Index có lúc giảm hơn 1% trong phiên. Tuy nhiên, thị trường không hoàn loạn với nhóm bluechip tiếp tục nâng đỡ thị trường. Cụ thể, nhóm Ngân hàng gồm VPB, TCB, CTG, MBB cùng với PNJ, SAB, FPT đi ngược thị trường. REE nổi bật khi tăng 3.4% với thanh khoản đạt hơn 2,3 triệu đơn vị cũng là mức cao nhất từ cuối tháng 03/2018 trở lại đây. Dòng tiền có sự luân chuyển khi nhóm Bất động sản KCN bị chốt lời tiêu biểu là TIP(-7%), SZL(-6.8%), SZC(-5.5%) trong khi HAR(+6.7%), NLG(+1.3%), IJC(+2.5%), TDC(+3.4%) tăng giá tích cực.

Khối ngoại có phiên bán ròng khá mạnh với 317 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, VJC (117 tỷ) dẫn đầu danh sách bán ròng chủ yếu qua trao tay thỏa thuận theo sau bởi GAS (43 tỷ), VNM (35 tỷ). Ở chiều mua, PLX(19 tỷ), MSN(7 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục biến động trong vùng giá 965.5 – 980 điểm trong vài phiên tới. Đồng thời, thị trường có thể sẽ tiếp tục đi ngang hoặc biến động hẹp và mức độ phân hóa sẽ diễn ra trong vài phiên tới. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy áp lực bán tháo không diễn ra và tâm lý không hoàn toàn quá bi quan với xu hướng hiện tại. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm nhẹ cho thấy chiến lược ngắn hạn là cơ cấu lại danh mục, nhưng mức giảm không quá lớn cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn vẫn nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 983.07 điểm của chỉ số VN-Index và 104.36 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn vẫn nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu và hạn chế mua đuổi ở các nhịp tăng.

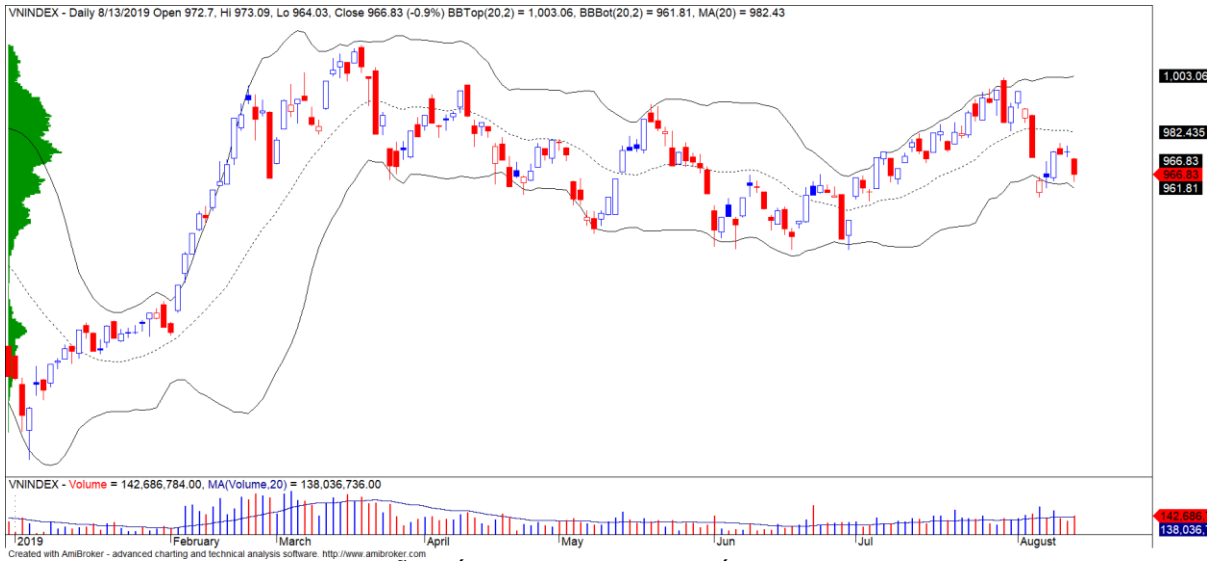
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 43% cổ phiếu/57% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.40	GIẢM	TĂNG		18.14			16.85	17.01	3.26%	
ACB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
ACV	82.50	TĂNG	TĂNG	85.80	81.66	-3.85%		90.00	81.77	-8.33%	
ANV	24.80	GIẢM	GIẢM		26.06				29.78		
ASM	6.21	GIẢM	GIẢM		6.42				7.23		
BFC	15.80	TĂNG	GIẢM	15.90	14.68	-0.63%			19.02		
BID	34.90	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	6.89%		33.40	31.96	4.49%	
BMP	50.50	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-3.44%		48.30	44.48	4.55%	
BSR	9.90	GIẢM	GIẢM		10.65				12.79		
BVH	77.30	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-9.48%	
BWE	26.15	GIẢM	TĂNG		26.83			20.00	25.45	30.75%	
CEO	10.30	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.15	GIẢM	GIẢM		22.08				23.47		
CMG	36.50	GIẢM	TĂNG		39.48			23.20	34.35	57.33%	
CMX	27.20	GIẢM	TĂNG		31.00			5.91	22.80	360.24%	
CSM	15.00	TĂNG	TĂNG	15.40	14.50	-2.60%		14.39	14.22	4.24%	
CTD	99.20	GIẢM	GIẢM		111.33			112.70	99.66	-11.57%	
CTG	20.60	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
CTI	22.95	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	54.90	TĂNG	N/A	28.80	49.81	90.63%		-	N/A		
CVT	19.80	TĂNG	TĂNG	19.80	19.69	0.00%	MUA	20.35	18.32	-2.70%	
DCM	8.08	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DGC	29.60	GIẢM	TĂNG		32.68			31.90	27.79	-7.21%	
DGW	23.50	TĂNG	TĂNG	23.50	21.88	0.00%		23.50	21.23	0.00%	
DHA	36.00	TĂNG	TĂNG	32.25	34.92	11.63%		29.10	32.95	23.71%	
DHC	33.40	GIẢM	TĂNG		35.76			35.20	33.00	-5.11%	
DHG	94.00	GIẢM	GIẢM		98.87				109.20		
DIG	12.80	GIẢM	GIẢM		13.30				14.54		
DPG	48.00	TĂNG	TĂNG	39.40	46.01	21.83%		40.02	38.52	19.95%	
DPM	14.00	TĂNG	GIẢM	14.40	13.52	-2.78%			16.26		
DPR	41.30	GIẢM	TĂNG		47.84			42.50	40.21	-2.82%	
DQC	18.00	GIẢM	GIẢM		18.87				20.27		
DRC	20.60	TĂNG	GIẢM	20.45	19.53	0.73%			20.88		
DXG	13.50	TĂNG	GIẢM	16.15	11.84	-16.41%			20.07		
EIB	17.20	GIẢM	TĂNG		18.40			14.70	16.88	17.01%	

We Create Fortune

FCN	13.35	GIẢM	TĂNG		13.61			16.05	13.18	-16.82%	
FMC	30.95	TĂNG	TĂNG	28.95	29.48	6.91%			30.62		
FPT	52.50	TĂNG	TĂNG	45.20	49.77	16.15%		46.00	45.47	14.13%	
GAS	100.00	GIẢM	GIẢM		106.46				113.06		
GEX	23.00	TĂNG	GIẢM	22.20	22.68	3.60%			23.15		
GIL	23.25	GIẢM	GIẢM		25.09				27.81		
GMD	27.20	TĂNG	GIẢM	26.55	26.79	2.45%			27.99		
GTN	19.50	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	3.72%		15.00	16.37	30.00%	
GVR	15.30	TĂNG	N/A	13.50	15.22	13.33%			N/A		
HAG	4.98	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HAX	20.00	TĂNG	TĂNG	20.00	19.37	0.00%	MUA	15.75	17.24	26.98%	
HBC	13.85	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-2.81%			15.82		
HCM	19.60	GIẢM	GIẢM		21.02				24.43		
HDB	26.05	TĂNG	GIẢM	26.30	25.07	-0.95%			28.17		
HDC	19.50	TĂNG	TĂNG	15.25	17.90	27.87%		15.25	14.22	27.87%	
HDG	35.05	GIẢM	TĂNG	32.70	35.16	7.53%	BÁN	35.30	32.26	-0.71%	
HNG	18.00	TĂNG	TĂNG	18.35	17.34	-1.91%		17.10	16.59	5.26%	
HPG	23.45	TĂNG	GIẢM	23.30	22.15	0.64%			23.96		
HSG	6.75	GIẢM	GIẢM		7.14			9.30	7.01	-24.57%	
HT1	15.00	GIẢM	GIẢM		15.74			14.80	15.47	4.49%	
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.15	0.00%			2.97		
HVN	39.20	GIẢM	TĂNG		40.75			39.00	38.75	0.51%	
KBC	15.75	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-1.56%		15.35	14.17	2.61%	
KDH	23.40	TĂNG	GIẢM	22.90	22.73	2.18%			23.94		
KSB	24.20	TĂNG	GIẢM	22.95	23.15	5.45%			24.78		
LCG	9.63	GIẢM	GIẢM		10.24				11.41		
LDG	7.96	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-2.69%			9.15		
LHG	17.90	GIẢM	TĂNG	18.70	17.94	-4.06%	BÁN	19.30	17.32	-7.25%	
LPB	7.80	GIẢM	GIẢM		8.21				8.51		
LSS	5.24	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-2.78%			5.84		
MBB	22.20	TĂNG	TĂNG	22.20	22.16	0.00%	MUA	21.85	20.88	1.60%	
MPC	34.90	GIẢM	GIẢM	35.70	34.99	-1.98%	BÁN		40.20		
MSN	75.60	GIẢM	GIẢM		77.30				86.73		
MSR	16.60	GIẢM	GIẢM		17.55				19.98		
MWG	117.80	TĂNG	TĂNG	110.00	110.65	7.09%		88.70	99.40	32.81%	
NDN	18.00	TĂNG	TĂNG	14.10	17.56	27.66%		13.70	14.96	31.39%	
NKG	6.42	TĂNG	GIẢM	6.35	6.07	1.10%			6.85		
NLG	32.10	TĂNG	TĂNG	29.90	30.44	7.36%		28.70	27.99	11.85%	
NT2	24.90	GIẢM	GIẢM		25.05				27.42		



We Create Fortune

NTL	26.80	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	16.78%		10.45	22.13	156.46%	
NVL	59.70	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.70	TĂNG	GIẢM	11.70	11.18	0.00%			12.38		
PAC	30.30	GIẢM	GIẢM		31.48				35.54		
PC1	16.25	GIẢM	GIẢM		16.82				19.29		
PDR	26.55	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	10.17%		29.00	25.01	-8.45%	
PHR	70.00	GIẢM	TĂNG	61.20	71.89	17.47%	BÁN	24.00	60.96	191.67%	
PLX	63.20	GIẢM	TĂNG		64.11			62.40	59.59	1.28%	
PNJ	87.00	TĂNG	TĂNG	77.00	81.99	12.99%		104.00	72.08	-16.35%	
POW	12.90	GIẢM	GIẢM		14.11			15.70	13.92	-11.37%	
PVT	17.40	TĂNG	TĂNG	17.45	16.69	-0.29%		18.30	16.20	-4.92%	MUA
PPC	25.30	GIẢM	GIẢM		26.30				30.18		
PTB	70.00	TĂNG	TĂNG	69.70	66.21	0.43%		64.00	64.57	9.38%	
PVB	21.70	TĂNG	TĂNG	20.20	21.31	7.43%		20.10	17.72	7.96%	
PVD	15.75	GIẢM	GIẢM		16.31			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	38.00	TĂNG	GIẢM	38.10	36.23	-0.26%			39.70		
PVS	20.50	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
PXS	6.01	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.44%		4.85	5.02	23.92%	
QNS	29.90	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-11.54%	
REE	36.00	TĂNG	TĂNG	34.00	33.02	5.88%		33.33	31.19	8.03%	
SAB	277.00	GIẢM	TĂNG		286.92			245.00	259.03	13.06%	
SAM	7.90	GIẢM	TĂNG		8.09			7.40	7.69	6.76%	
SCR	6.88	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-0.58%			7.47		
SHI	8.70	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.69%		6.99	7.47	24.46%	
SJS	17.50	GIẢM	GIẢM		17.86			-	19.89		
SKG	11.45	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
SSI	21.85	GIẢM	GIẢM		22.37				25.82		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		10.79				11.77		
TCB	20.65	GIẢM	GIẢM		20.75				22.76		
TCM	24.65	GIẢM	GIẢM		26.59				28.96		
TDH	9.15	GIẢM	GIẢM		9.35			11.65	9.17	-21.29%	
TLH	4.65	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-2.11%		5.85	5.16	-11.73%	BÁN
TNG	17.50	GIẢM	GIẢM		19.80			12.00	18.79	56.57%	
VCB	76.30	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	23.06%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	85.90	TĂNG	TĂNG	81.10	81.32	5.92%		68.00	68.25	26.32%	
VGC	19.00	GIẢM	GIẢM		19.83				20.64		
VGT	9.20	GIẢM	GIẢM		9.71				10.83		
VHC	84.80	GIẢM	GIẢM		86.52				95.80		

We Create Fortune

VHM	82.90	GIẢM	TĂNG		87.86			90.20	76.55	-8.09%	MUA
VIB	19.60	TĂNG	TĂNG	17.00	19.09	15.29%		17.70	17.06	10.73%	
VIC	118.10	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	113.20	5.45%	
VIP	5.03	GIẢM	GIẢM		5.17				5.62		
VJC	132.50	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.49%		124.50	124.10	6.43%	
VND	14.50	GIẢM	GIẢM		15.08				16.18		
VNG	18.20	GIẢM	GIẢM		18.87				21.18		
VNM	118.00	GIẢM	GIẢM		123.20				132.64		
VPB	19.10	TĂNG	GIẢM	19.10	19.05	0.00%	MUA		19.82		
VPI	41.75	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-1.07%			42.86		
VRC	14.90	TĂNG	GIẢM	15.30	14.39	-2.61%			16.26		
VRE	34.90	GIẢM	TĂNG		36.58			35.00	33.61	-0.29%	
VSC	28.00	TĂNG	GIẢM	28.60	27.92	-2.10%			32.28		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
BID	34.90	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	6.89%		33.40	31.96	4.49%	
BSR	9.90	GIẢM	GIẢM		10.65				12.79		
BVH	77.30	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-9.48%	
CTG	20.60	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
EIB	17.20	GIẢM	TĂNG		18.40			14.70	16.88	17.01%	
FPT	52.50	TĂNG	TĂNG	45.20	49.77	16.15%		41.00	45.47	28.06%	
GAS	100.00	GIẢM	GIẢM		106.46				113.06		
HDB	26.05	TĂNG	GIẢM	26.30	25.07	-0.95%			28.17		
HNG	18.00	TĂNG	TĂNG	18.35	17.34	-1.91%		17.10	16.59	5.26%	
HPG	23.45	TĂNG	GIẢM	23.30	22.15	0.64%			23.96		
HVN	39.20	GIẢM	TĂNG		40.75			39.00	38.75	0.51%	
KDH	23.40	TĂNG	GIẢM	22.90	22.73	2.18%			23.94		
MBB	22.20	TĂNG	TĂNG	22.20	22.16	0.00%	MUA	21.27	20.88	4.37%	
MSN	75.60	GIẢM	GIẢM		77.30				86.73		
MWG	117.80	TĂNG	TĂNG	110.00	110.65	7.09%		88.70	99.40	32.81%	
NVL	59.70	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.70	TĂNG	GIẢM	11.70	11.18	0.00%			12.38		
PLX	63.20	GIẢM	TĂNG		64.11			59.97	59.59	5.38%	
PNJ	87.00	TĂNG	TĂNG	77.00	81.99	12.99%		77.88	72.08	11.71%	

We Create Fortune

POW	12.90	GIẢM	GIẢM		14.11			15.70	13.92	-11.37%	
PVS	20.50	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
QNS	29.90	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-11.54%	
REE	36.00	TĂNG	TĂNG	34.00	33.02	5.88%		33.33	31.19	8.03%	
ROS	27.00	TĂNG	GIẢM	28.50	25.52	-5.26%		34.80	27.33	-21.48%	
SSI	21.85	GIẢM	GIẢM		22.37				25.82		
STB	10.20	GIẢM	GIẢM		10.79				11.77		
TCB	20.65	GIẢM	GIẢM		20.75				22.76		
TPB	22.60	GIẢM	GIẢM		22.88				N/A		
VCB	76.30	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	23.06%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	51.90	GIẢM	GIẢM		59.81				N/A		
VGI	33.70	TĂNG	GIẢM	29.50	32.57	14.24%			N/A		
VHM	82.90	GIẢM	TĂNG		87.86			90.20	76.55	-8.09%	MUA
VIB	19.60	TĂNG	TĂNG	17.00	19.09	15.29%		17.70	17.06	10.73%	
VIC	118.10	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	113.20	5.45%	
VJC	132.50	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.49%		124.50	124.10	6.43%	
VNM	118.00	GIẢM	GIẢM		123.20				132.64		
VPB	19.10	TĂNG	GIẢM	19.10	19.05	0.00%	MUA		19.82		
VRE	34.90	GIẢM	TĂNG		36.58			34.00	33.61	2.66%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.40	GIẢM	TĂNG		18.14			16.85	17.01	3.26%	
ANV	24.80	GIẢM	GIẢM		26.06				29.78		
ASM	6.21	GIẢM	GIẢM		6.42				7.23		
BMP	50.50	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-3.44%		48.30	44.48	4.55%	
BWE	26.15	GIẢM	TĂNG		26.83			19.44	25.45	34.52%	
C4G	8.10	GIẢM	GIẢM		8.58			-	9.96		
CEO	10.30	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.15	GIẢM	GIẢM		22.08				23.47		
CRE	24.95	GIẢM	GIẢM		25.34			-	26.06		
CTI	22.95	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	54.90	TĂNG	#N/A	28.80	49.81	90.63%		-	#N/A		
DCM	8.08	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DHC	33.40	GIẢM	TĂNG		35.76			35.20	33.00	-5.11%	

We Create Fortune

DIG	12.80	GIẢM	GIẢM		13.30				14.54		
DPM	14.00	TĂNG	GIẢM	14.40	13.52	-2.78%			16.26		
DRC	20.60	TĂNG	GIẢM	20.45	19.53	0.73%			20.88		
DXG	13.50	TĂNG	GIẢM	16.15	11.84	-16.41%			20.07		
E1VFN30	14.58	TĂNG	GIẢM	14.62	14.32	-0.27%			15.16		
FCN	13.35	GIẢM	TĂNG		13.61			16.05	13.18	-16.82%	
FLC	4.05	TĂNG	GIẢM	3.99	4.02	1.50%			4.49		
FTM	24.10	GIẢM	TĂNG		24.56			16.25	22.18	48.31%	
GEG	27.50	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	20.61%		12.90	22.56	113.18%	
GEX	23.00	TĂNG	GIẢM	22.20	22.68	3.60%			23.15		
GMD	27.20	TĂNG	GIẢM	26.55	26.79	2.45%			27.99		
GTN	19.50	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	3.72%		15.00	16.37	30.00%	
GVR	15.30	TĂNG	#N/A	13.50	15.22	13.33%		-	#N/A		
HAG	4.98	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HBC	13.85	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-2.81%			15.82		
HCM	19.60	GIẢM	GIẢM		21.02				24.43		
HDG	35.05	GIẢM	TĂNG	32.70	35.16	7.53%	BÁN	35.30	32.26	-0.71%	
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.38%		-	#N/A		
HSG	6.75	GIẢM	GIẢM		7.14			8.45	7.01	-17.01%	
HT1	15.00	GIẢM	GIẢM		15.74			14.80	15.47	4.49%	
IBC	21.20	GIẢM	TĂNG		21.50			24.90	20.15	-14.86%	
IDI	6.25	GIẢM	GIẢM		6.59				7.70		
IJC	14.55	TĂNG	TĂNG	11.35	13.07	28.19%		13.10	10.49	11.07%	MUA
ITA	3.49	TĂNG	TĂNG	3.17	3.35	10.09%		3.20	2.83	9.06%	
KBC	15.75	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-1.56%		15.35	14.17	2.61%	
KSB	24.20	TĂNG	GIẢM	22.95	23.15	5.45%			24.78		
LDG	7.96	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-2.69%			9.15		
LPB	7.80	GIẢM	GIẢM		8.21				8.51		
MBS	15.40	GIẢM	TĂNG		16.50			16.00	14.25	-3.75%	
MPC	34.90	GIẢM	GIẢM	35.70	34.99	-1.98%	BÁN		40.20		
NBB	20.50	GIẢM	TĂNG		21.94			21.50	19.30	-4.65%	
NKG	6.42	TĂNG	GIẢM	6.35	6.07	1.10%			6.85		
NLG	32.10	TĂNG	TĂNG	29.90	30.44	7.36%		28.70	27.99	11.85%	
NT2	24.90	GIẢM	GIẢM		25.05				27.42		
NTC	186.00	GIẢM	TĂNG		195.18			120.00	161.01	55.00%	
NTL	26.80	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	16.78%		9.33	22.13	187.21%	
NVB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.90				8.72		
OGC	3.89	GIẢM	GIẢM		4.06				4.56		

We Create Fortune

PC1	16.25	GIẢM	GIẢM		16.82				19.29		
PDR	26.55	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	10.17%		23.60	25.01	12.52%	
PHR	70.00	GIẢM	TĂNG	61.20	71.89	17.47%	BÁN	22.86	60.96	206.15%	
PPC	25.30	GIẢM	GIẢM		26.30				30.18		
PTB	70.00	TĂNG	TĂNG	69.70	66.21	0.43%		60.78	64.57	15.17%	
PVD	15.75	GIẢM	GIẢM		16.31			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	38.00	TĂNG	GIẢM	38.10	36.23	-0.26%			39.70		
PVT	17.40	TĂNG	TĂNG	17.45	16.69	-0.29%		18.30	16.20	-4.92%	MUA
QCG	4.44	TĂNG	GIẢM	4.62	4.35	-3.90%			5.32		
SAM	7.90	GIẢM	TĂNG		8.09			7.40	7.69	6.76%	
SBT	16.00	GIẢM	GIẢM		16.45				17.67		
SCR	6.88	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-0.58%			7.47		
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM		6.76				7.30		
SHS	8.50	GIẢM	GIẢM		8.94			10.55	10.14	-3.86%	BÁN
SJS	17.50	GIẢM	GIẢM		17.86				19.89		
STK	21.15	GIẢM	TĂNG		22.71			17.00	21.12	24.41%	
SZC	23.90	GIẢM	#N/A	20.45	24.03	17.52%	BÁN	-	#N/A		
TCH	22.65	TĂNG	TĂNG	22.05	21.55	2.72%			22.45		
TCM	24.65	GIẢM	GIẢM		26.59				28.96		
TNG	17.50	GIẢM	GIẢM		19.80			12.00	18.79	56.57%	
TTB	24.20	TĂNG	TĂNG	22.60	24.09	7.08%		24.50	22.23	-1.22%	MUA
VCI	33.60	TĂNG	GIẢM	32.30	32.55	4.02%			35.72		
VGT	9.20	GIẢM	GIẢM		9.71				10.83		
VHC	84.80	GIẢM	GIẢM		86.52				95.80		
VND	14.50	GIẢM	GIẢM		15.08				16.18		
VNG	18.20	GIẢM	GIẢM		18.87				21.18		
VPI	41.75	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-1.07%			42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.90	TĂNG	#N/A	9.40	10.35	15.96%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.15	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.71	4.01%	
AMD	1.66	GIẢM	GIẢM		1.73				2.04		
APG	8.93	GIẢM	TĂNG		9.58			9.90	7.90	-9.80%	
ART	2.20	GIẢM	GIẢM		2.48				2.85		
BCC	7.70	GIẢM	TĂNG		8.27			7.70	7.70	0.00%	

We Create Fortune

BCG	6.24	TĂNG	TĂNG	5.82	6.15	7.22%		6.39	5.41	-2.35%	
C69	20.30	TĂNG	TĂNG	8.80	19.42	130.68%		5.30	15.89	283.02%	
CCL	7.21	TĂNG	TĂNG	6.38	7.03	13.01%		3.46	5.67	108.38%	
CRC	16.40	GIẢM	GIẢM	15.05	16.84	11.89%	BÁN		17.35		
CVT	19.80	TĂNG	TĂNG	19.80	19.69	0.00%	MUA	20.35	18.32	-2.70%	
DAG	6.71	TĂNG	TĂNG	6.55	6.71	2.44%		7.09	5.94	-5.36%	MUA
DAH	12.90	GIẢM	TĂNG		13.80			4.66	11.21	176.58%	
DGW	23.50	TĂNG	TĂNG	23.50	21.88	0.00%		23.50	21.23	0.00%	
DLG	1.52	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	6.90	TĂNG	GIẢM	7.20	6.82	-4.17%			7.76		
DTD	16.60	TĂNG	TĂNG	15.90	15.29	4.40%		12.90	12.45	28.68%	
EVG	2.74	GIẢM	GIẢM		2.90				3.02		
FIT	3.34	GIẢM	TĂNG		3.54			3.64	3.03	-8.24%	
GKM	14.60	GIẢM	GIẢM		14.96			11.42	15.87	38.89%	
HAH	15.10	TĂNG	TĂNG	12.80	14.19	17.97%		13.00	12.04	16.15%	
HAI	1.69	GIẢM	GIẢM		1.82				1.93		
HAP	3.44	GIẢM	TĂNG		3.54			3.67	3.25	-6.27%	
HAR	3.80	TĂNG	GIẢM	3.56	3.27	6.74%		3.71	3.98	7.38%	BÁN
HCD	3.65	GIẢM	GIẢM		3.94				4.34		
HDA	12.60	TĂNG	TĂNG	10.50	12.22	20.00%		11.30	10.94	11.50%	
HDC	19.50	TĂNG	TĂNG	15.25	17.90	27.87%		15.25	14.22	27.87%	
HHP	11.60	GIẢM	GIẢM		12.26				13.79		
HHS	3.07	GIẢM	GIẢM		3.19				3.54		
HII	11.00	GIẢM	GIẢM		11.71				12.54		
HQC	1.37	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-4.20%			1.50		
HSL	8.13	TĂNG	GIẢM	8.10	7.56	0.37%			9.33		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.15	0.00%			2.97		
HVG	2.57	GIẢM	GIẢM		2.92				4.13		
HVH	27.10	TĂNG	#N/A	27.05	26.04	0.18%			#N/A		
JVC	2.65	GIẢM	GIẢM		2.79				3.12		
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.50				1.68		
KMR	2.82	GIẢM	TĂNG		2.92			3.68	2.65	-23.37%	
LCG	9.63	GIẢM	GIẢM		10.24				11.41		
LGL	9.76	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	37.21%	
LHG	17.90	GIẢM	TĂNG	18.70	17.94	-4.06%	BÁN	19.30	17.32	-7.25%	
LMH	16.65	GIẢM	#N/A		17.44			-	#N/A		
MST	2.60	GIẢM	GIẢM		2.66				3.30		
NDN	18.00	TĂNG	TĂNG	14.10	17.56	27.66%		13.10	14.96	37.36%	
PHC	12.50	GIẢM	GIẢM		12.88				13.84		



We Create Fortune

PVB	21.70	TĂNG	TĂNG	20.20	21.31	7.43%		20.10	17.72	7.96%	
PVC	7.40	GIẢM	TĂNG		7.75			7.10	6.67	4.23%	
PXL	5.30	GIẢM	GIẢM		5.71				7.09		
PXS	6.01	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.44%		4.85	5.02	23.92%	
QBS	3.00	TĂNG	GIẢM	3.08	2.90	-2.60%			3.36		
SFG	8.89	GIẢM	GIẢM		9.71				12.67		
SHI	8.70	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.69%		6.23	7.47	39.59%	
SJF	2.97	GIẢM	GIẢM		3.17				3.88		
SKG	11.45	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
TDH	9.15	GIẢM	GIẢM		9.35			11.65	9.17	-21.29%	
TIG	3.10	GIẢM	TĂNG		3.31			3.20	3.03	-3.13%	
TLD	5.14	GIẢM	GIẢM		5.46				6.07		
TLH	4.65	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-1.06%		5.85	5.16	-11.73%	
TNI	10.20	GIẢM	GIẢM		10.73				11.98		
TTF	3.12	GIẢM	GIẢM		3.13			3.99	3.70	-7.16%	
TTH	3.80	GIẢM	GIẢM		3.83				4.27		
TVB	21.70	TĂNG	TĂNG	17.40	20.72	24.71%		20.10	17.56	7.96%	MUA
TVC	15.50	TĂNG	TĂNG	12.50	14.41	24.00%		14.30	12.80	8.39%	MUA
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.09			22.00	21.35	3.18%	
VCR	24.20	TĂNG	GIẢM	20.50	17.67	18.05%			25.98		
VNE	3.12	GIẢM	GIẢM		3.23				4.12		
VPG	21.60	TĂNG	TĂNG	21.40	19.93	0.93%		20.46	19.34	5.60%	
VRC	14.90	TĂNG	GIẢM	15.40	14.39	-3.25%			16.26		
YBM	10.00	GIẢM	GIẢM		11.22				12.01		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	966.83	-0.87%
VN30	877.97	-0.48%
VN Mid	957.86	-0.59%
VN Small	815.9	-0.46%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.29	-0.52%
HN30	189.23	-0.77%
VNX AllSh	851.45	-0.68%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.15	-1.35%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	449.62	
Bán	750.96	
GT ròng	-301.34	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	7.43	
Bán	10.48	
GT ròng	-3.05	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	27.23	
Bán	39.84	
GT ròng	-12.61	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DXG	881	6.98%
HAX	1200	6.38%
SHI	380	4.57%
REE	1200	3.45%
TDC	310	3.42%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	2200	10.00%
PVX	100	7.69%
TVC	300	1.97%
PVI	300	0.80%
HUT	0	0.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	2400	9.20%
SAS	2400	5.77%
HND	200	1.38%
HTM	100	0.70%
BAB	-100	-0.49%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TIP	-2550	-6.99%
SZL	-3900	-6.84%
SZC	-1400	-5.53%
YEG	-2800	-5.06%
DVP	-2050	-4.48%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VNT	-4400	-10.00%
BAX	-3500	-4.77%
CEO	-300	-2.83%
NDN	-500	-2.70%
NTP	-900	-2.26%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VEA	-4000	-7.16%
GVR	-1000	-6.13%
SNZ	-1900	-5.78%
IDC	-900	-4.29%
VGI	-1400	-3.99%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	401,512	
VCB	288,180	
VHM	282,029	
VNM	210,010	
GAS	195,223	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,669	
VCS	13,563	
VCG	11,705	
PVS	9,942	
PVI	8,713	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	184,223	
VGI	106,859	
VEA	74,306	
GVR	65,140	
MCH	54,173	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	20,409,640	16,258,660
ITA	7,432,490	4,656,624
HPG	7,402,550	7,294,656
SAM	6,299,160	849,785
TPB	5,990,560	928,229

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHS	2,812,876	717,636
PVX	2,572,393	922,108
PVS	2,500,158	3,145,620
VIX	2,361,035	280,597
SHB	2,171,796	4,812,565

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
GVR	3,062,485	1,911,859
VGI	1,401,746	1,169,222
BAB	1,105,100	424,248
BSR	1,009,984	1,542,302
VIB	816,814	941,630

Nguồn: Bloomberg & YSVN

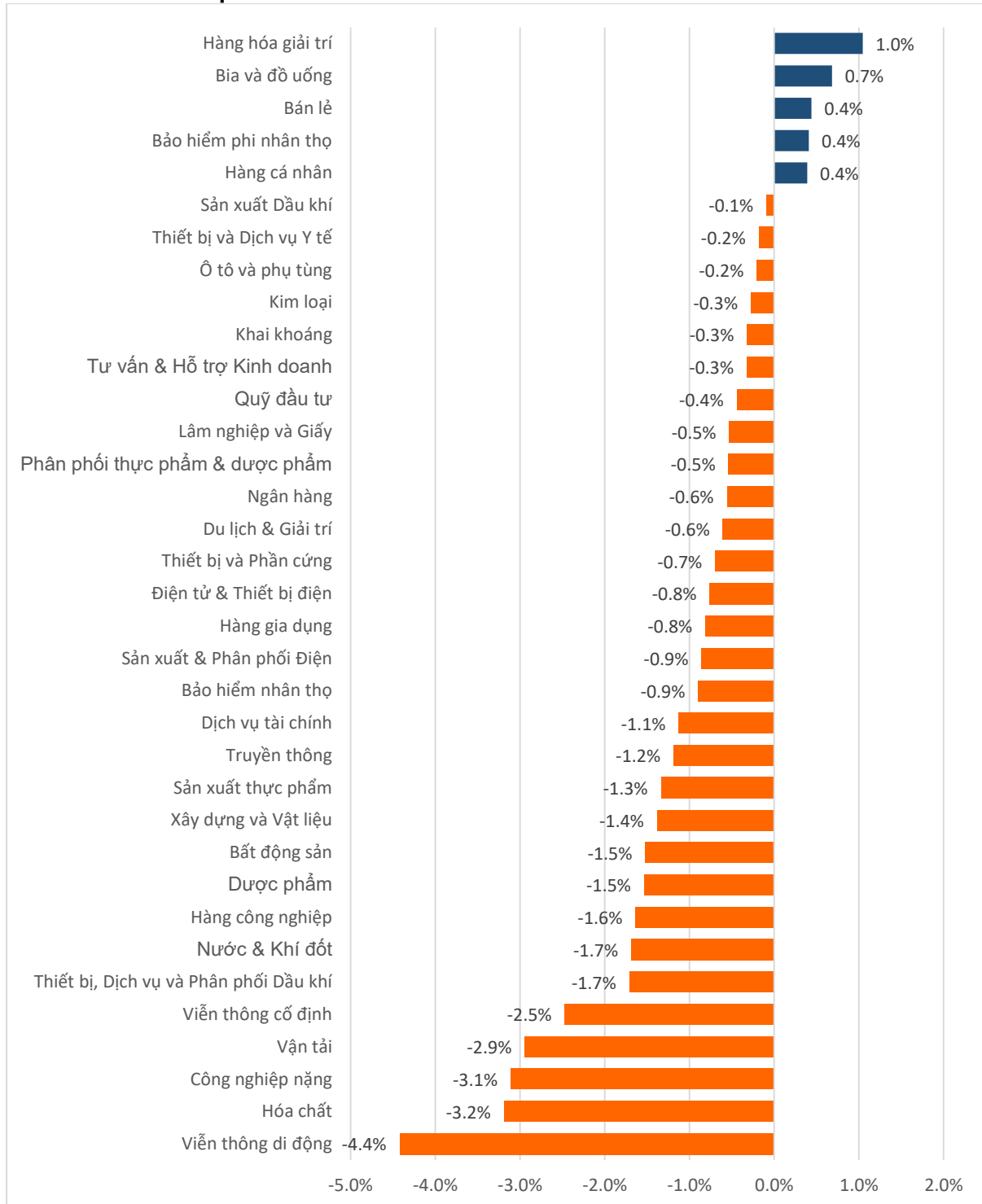
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



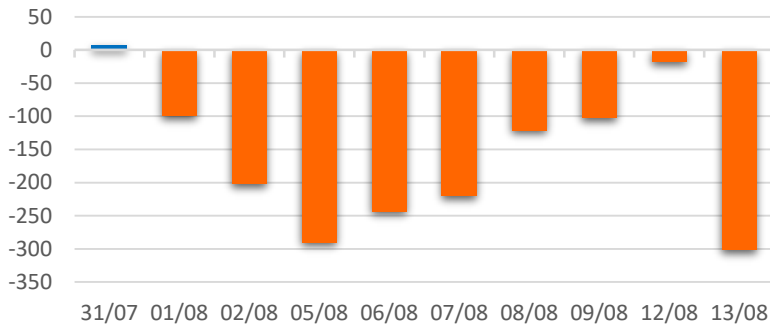
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

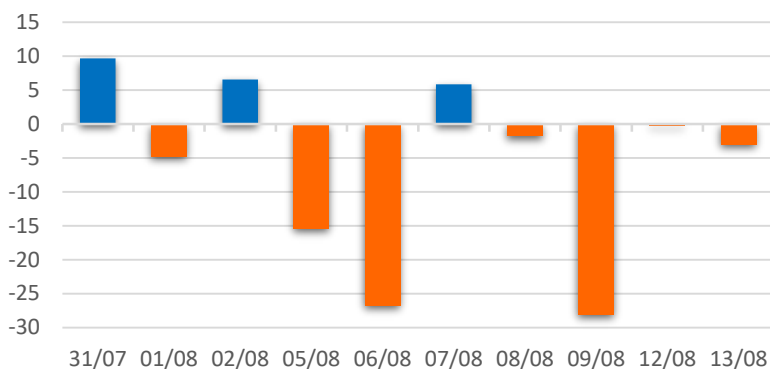
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PLX	18,948	VJC	117,375
MSN	6,959	GAS	42,857
SAB	6,366	VNM	35,234
GEX	5,859	HPG	33,561
NVL	5,034	VHM	22,760

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

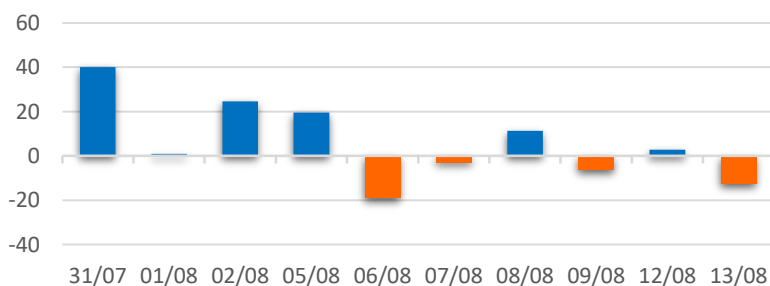
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HUT	1,440	PVS	4,454
DGC	606	VCS	1,278
VMC	582	TNG	250
SLS	174	HMH	211
DHT	160	BVS	180

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	4,634	ACV	20,516
GEG	4,374	VEA	2,845
MCH	1,359	CTR	1,439
QNS	1,290	VGI	666
HND	1,055	SAS	458

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



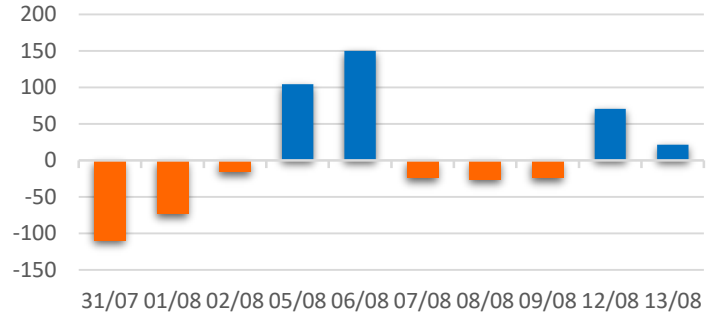
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

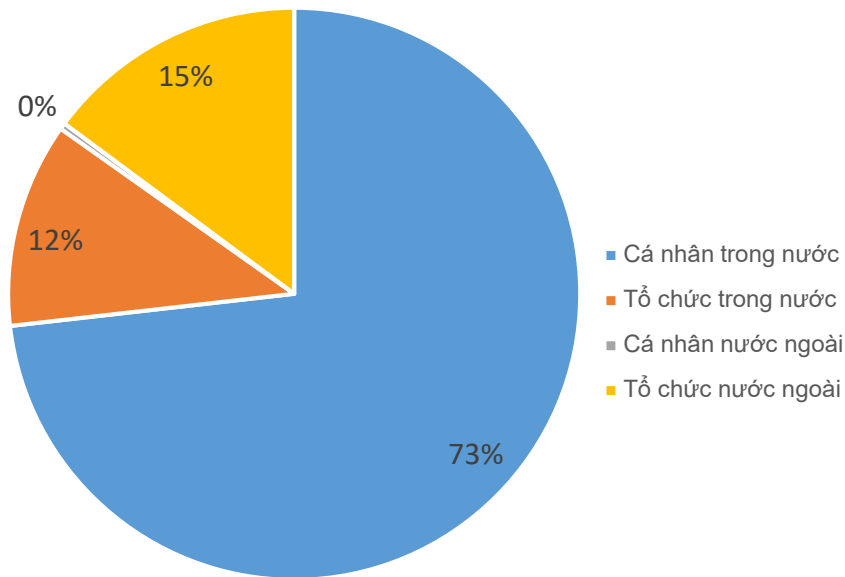
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MWG	26,805	MWG	20,630
VHM	20,750	VJC	9,610
HPG	16,673	VNM	7,782
E1VFN30	13,829	E1VFN30	7,082
POW	13,417	FPT	6,684

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

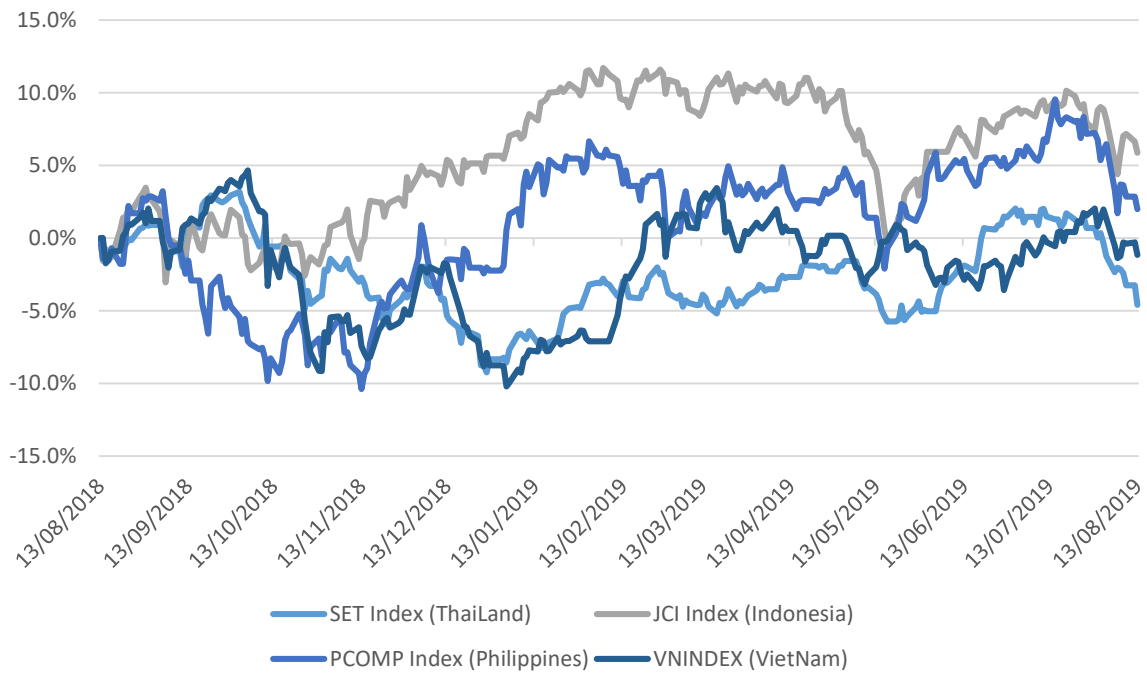


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

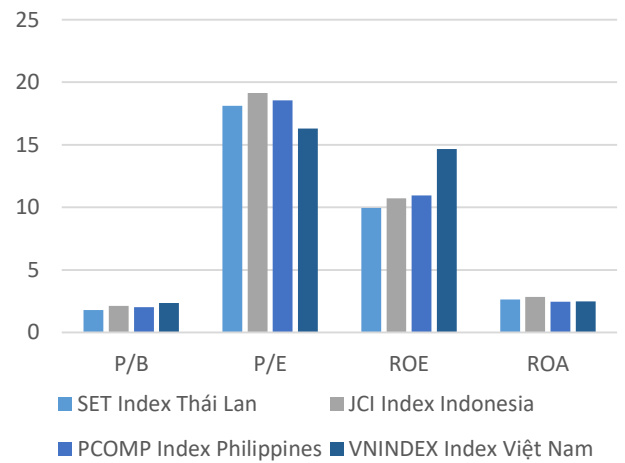
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.1x	19.1x	18.5x	16.3x
ROE	%	9.95	10.72	10.96	14.67
ROA	%	2.63	2.83	2.46	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	549.96	502.11	187.63	141.89
GTGD	Triệu USD	1.61	0.35	0.08	0.11
LS cổ tức	%	3.18	2.49	1.69	1.82

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written